TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-08-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Trần Bá Thức
2. Ông Nguyễn Văn Trương

Thư ký phiên tòa: Bà Vủ Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/06/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐ – HNGĐ ngày 19 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 1991 (Có mặt)

Đăng ký thường trú: ấp PH, xã ĐP, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Chỗ ở hiện nay: khu vực PL, phường TP, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Anh Dương Thanh T, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Đăng ký thường trú: ấp PH, xã ĐP, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Chổ ở hiện nay: ấp PN, xã ĐP, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 29/05/2019, quá trình tố tụng và tại tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Dương Thanh T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Phú An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2015 đến nay. Do tình cảm không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Dương Thị Cẩm K, sinh ngày 11/10/2012, hiện đang sống với anh T nên chị L đồng ý tiếp tục giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Dương Thanh T trình bày:

Anh Dương Thanh T và Nguyễn Thị Cẩm L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã PA. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị L yêu cầu ly hôn anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Dương Thị Cẩm K, sinh ngày 11/10/2012, hiện đang sống với anh T, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại tòa hôm nay, Thẩm phán - Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị L; Về con chung anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Dương Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng chính thức ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng không hàn gắn được. Chị L yêu cầu ly hôn, anh T thống nhất ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, chị L yêu cầu ly hôn anh T thống nhất nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Dương Thanh T.

[3] Về con chung: Chị L và anh T thừa nhận có 01 con chung là cháu Dương Thị Cẩm K sinh ngày 11/10/2012. Xét thấy, chị L và anh T có ý kiến thống nhất giao con cho anh T nuôi dưỡng. Từ khi anh T và chị L sống ly thân nhau thì cháu K do anh T nuôi dưỡng. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho cháu K cần chấp nhận yêu cầu của anh T được nuôi cháu K. Chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị L, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung; Nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Dương Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Dương Thị Cẩm K, sinh ngày 11/10/2012 cho anh Dương Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị L, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; Nợ chung: Khai không có, không ai yêu cầu nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0021427 ngày 10/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị L còn được nhận lại 150.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- TANDT. Hậu Giang;
- VKS nhân dân H. Châu Thành;
- THA H. Châu Thành;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phát Lộc